

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-PT

Ngày 15-9-2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
buộc tháo dỡ tài sản trên đất và
buộc chấm dứt hành vi cản trở trái
pháp luật việc thực hiện quyền đối
với tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ tài sản trên đất và buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền đối với tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Đình C, sinh năm 1961. Căn cước công dân (viết tắt là CCCD) số 020061004498 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 24-6-2021. Cư trú tại: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Dương Hữu P, sinh năm 1941. CCCD số 020041003294 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ

Công an cấp ngày 25-6-2021. Cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; đã chết ngày 16-01-2024.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Dương Hữu B, sinh năm 1972. CCCD số 020072008455 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25-6-2021. Cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Hữu S, sinh năm 1970; vắng mặt.
2. Ông Dương Hữu Đ, sinh năm 1978; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn, trước đây là xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn*).

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Minh T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Dương Hữu B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Dương Hữu P, sinh năm 1941, chết ngày 16-01-2024. Ông Dương Hữu P có 06 người con đó là bà Dương Thị H, ông Dương Hữu B, bà Dương Thị L, bà Dương Thị Đ, ông Dương Hữu C, ông Dương Hữu Đ1 (đã chết).

Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2006 thể hiện: Thửa đất số 126 có diện tích 1.720,0m² đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ 48 (viết tắt là thửa đất số 126) quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Đình C. Thửa đất số 127 có diện tích 543,0m² đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ 48 (viết tắt là thửa đất số 127) quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Hữu Đ. Thửa đất số 126 và 127 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào. Thửa đất số 146 có diện tích 1.858,0m² đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ 48 (viết tắt là thửa đất số 146) quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Hữu L và đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 10-6-2010 cho hộ ông Dương Hữu L và bà Dương Thị N. Ngày 20-3-2015, thửa đất số 146 được tách thành thửa đất số 260 và 261.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 06-3-2024 thể hiện: Đất tranh chấp do nguyên đơn xác định có diện tích $686,3m^2$, bao gồm diện tích $601,0m^2$ thuộc thửa đất số 126; diện tích $6,7m^2$ thuộc thửa đất số 127; diện tích $78,6m^2$ thuộc thửa đất số 146. Trên đất tranh chấp tại thửa đất số 126 có bức tường gạch ba banh do chi họ Dương Hữu xây dựng năm 2020 và cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023. Trên đất tranh chấp tại thửa đất số 127 và 146 có cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023. Đất tranh chấp bị đơn có yêu cầu phản tố xác định có diện tích là $1.870,0m^2$, trong đó: Diện tích thuộc thửa đất số 126 là $1.444,0m^2$; diện tích ngoài thửa đất số 126 là $426,0m^2$ gồm: Diện tích $6,7m^2$ thuộc thửa đất số 127; diện tích $78,6m^2$ thuộc thửa số 146 và diện tích $340,7m^2$ không thể hiện số thửa đất. Tài sản trên thửa đất số 126 có 07 ngôi mộ của chi họ Dương Hữu; có 04 ngôi mộ xây và 02 ngôi mộ đất của hộ ông Dương Công Đ; có 02 ngôi mộ xây của hộ ông Dương Hữu V; 01 bức tường xây bằng gạch ba banh do chi họ Dương Hữu xây từ năm 2020 và có các cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023, đã đến vụ thu hoạch. Đất tranh chấp theo giá thị trường có trị giá $40.000\text{đồng}/m^2$. Bức tường ba banh có trị giá $3.422.000\text{đồng}$. Cây sắn đã đến kỳ thu hoạch nên không định giá. Ngoài ra, cũng xác định phần diện tích thuộc thửa đất số 126 nguyên đơn, bị đơn không quản lý, sử dụng là $276,0m^2$.

Tại Văn bản số 651/UBND-PNNMT ngày 17-4-2025 của UBND huyện về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện: Thửa đất số 146 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Dương Hữu L và bà Dương Thị N; ngày 20-3-2015 thửa đất số 146 được tách thành thửa đất số 260 và 261. Trên Sổ mục kê thửa đất số 126 ghi tên hộ ông Dương Đình C; thửa đất số 127 ghi tên hộ ông Dương Hữu Đ. Hai thửa đất này chưa được cấp GCNQSDĐ cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào. Theo Bản đồ giải thửa đo đạc năm 1984, điều chỉnh năm 1994 vị trí các thửa đất số 126, 127 và 146 chưa được thể hiện trên bản đồ. Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 25-01-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện thì vị trí các thửa đất số 126, 127, 146 được quy hoạch là đất nông nghiệp.

Tại cấp sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Dương Đình C khởi kiện bị đơn ông Dương Hữu P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với $640,0m^2$ đất thuộc thửa đất số 126, yêu cầu bị đơn tháo dỡ bức tường xây bằng gạch ba banh trên đất và chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

Đất tranh chấp có nguồn gốc do ông cha để lại, từ năm 1991 sau khi tan Hợp tác xã nguyên đơn được bố để là ông Dương Đình C1 giao cho canh tác và sử dụng. Gia đình nguyên đơn canh tác sử dụng đất từ năm 1991 đến nay, hằng năm vẫn trồng màu, trồng cây lạc, cây ngô, cây sắn...và không có tranh chấp với ai. Sau khi tan Hợp tác xã, trên thửa đất còn có một số ngôi mộ của các gia đình chưa dời đi, nguyên đơn canh tác một phần thửa đất số 126, phần đất nguyên đơn canh tác là phần không có mộ, trên đất vẫn còn cây sắn do nguyên đơn trồng chưa thu hoạch. Năm 2006 cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc bản đồ địa chính, nguyên đơn được ký nhận diện tích, loại đất sử dụng đối với thửa

đất số 126. Đến nay, nguyên đơn chưa kê khai, chưa được cấp GCNQSDĐ phần đất tranh chấp. Ngày 21-01-2020 nguyên đơn đi phát dọn mảnh đất thì phát hiện ông Dương Hữu P xây tường bằng gạch ba banh trên đất nên xảy ra tranh chấp. Sự việc tranh chấp đất đai đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án.

Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn xác định đất tranh chấp có diện tích là 686,3m² trong đó có 601,0m² thuộc thửa đất số 126; có 6,7m² thuộc thửa đất số 127; có 78,6m² thuộc thửa đất số 146. Trên đất có 01 bức tường gạch do bị đơn xây năm 2020 và các cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023. Sau đó, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với tổng diện tích 85,3m² tại thửa đất số 127, 146 và tài sản có trên phần diện tích đất trên là các cây sắn. Nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng 601,0m² đất, yêu cầu bị đơn di dời bức tường trên đất và chấm dứt hành vi tranh chấp. Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với diện tích đất nguyên đơn đang khởi kiện. Nguyên đơn đã nộp tổng chi phí là 16.586.000đồng, nguyên đơn đề nghị giải quyết chi phí này theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn là người cao tuổi nên có đơn xin miễn tiền án phí.

Bị đơn ông Dương Hữu P và người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Dương Hữu B trình bày: Diện tích đất tranh chấp có tên N, do cụ tổ chi họ D là cụ Dương Hữu Đ2 và cụ Dương Thị T khai phá làm nương. Sau khi các cụ chết, các con cháu an táng tại mảnh đất này đầu thế kỷ 19, mảnh đất này trở thành nghĩa trang của họ D. Việc quản lý mảnh đất nghĩa trang là cả họ D nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng chi họ đã liên tục quản lý khu đất đó từ thế kỷ 19 đến nay; do là đất làm nghĩa trang của dòng họ nên chi họ không trồng cây gì trên đất. Chi họ D và nguyên đơn ông Dương Đình C xảy ra tranh chấp năm 2021 do nguyên đơn đến canh tác phần đất còn trống, chủ yếu trồng các loại ngô, khoai, sắn và tự nhận đây là mảnh đất của mình. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.720,0m² đất thuộc thửa đất số 126, yêu cầu nguyên đơn thu dọn cây sắn trên đất và chấm dứt việc tranh chấp đất đai.

Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ bị đơn xác định đất tranh chấp bị đơn có yêu cầu quản lý, sử dụng có tổng diện tích 1.870,0m² thuộc một phần thửa đất số 126, 127, 146 và một phần diện tích không thể hiện số thửa đất. Bị đơn đề nghị giải quyết chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là người cao tuổi nên có đơn xin miễn tiền án phí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu S trình bày: Thửa đất số 146 có diện tích 1.858,0m² đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho bố ông là hộ ông Dương Hữu L. Về ranh giới thửa đất tiếp giáp thửa đất 126 theo bờ có hàng cây lát do gia đình ông trồng khoảng năm 1992. Theo kết quả đo đạc, diện tích đất tranh chấp có 78,6m² thuộc một phần thửa đất số 146 nhưng gia đình ông chỉ sử dụng diện tích đúng thực tế từ bờ rào hàng cây lát, phần nằm ngoài hàng cây lát thuộc thửa đất số 146 nhưng ông không yêu cầu quản lý, sử dụng. Đất tranh chấp có nguồn gốc là của chi họ D từ xa xưa để lại. Tuy nhiên,

trong thời kỳ Hợp tác xã thì khu đất đó quy hoạch là đất nghĩa trang của xã. Đến khi Hợp tác xã giải thể thì các hộ gia đình đã di dời mộ đi về đất gia đình. Sau khi tan Hợp tác xã năm 1991 được mấy năm thì gia đình nguyên đơn vào canh tác trồng màu tại phần đất tranh chấp, còn phần đất từ khu mộ trở vào phía trong thì ông Dương Hữu P vẫn quản lý. Trước đây hai bên không xảy ra tranh chấp gì, đến năm 2020-2021 thì hai bên mới xảy ra tranh chấp. Việc xảy ra tranh chấp ông không liên quan, ông không có yêu cầu độc lập và đề nghị giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu Đ trình bày: Gia đình ông có thửa đất số 127 diện tích 543,0m² chưa được cấp GCNQSDĐ, thửa đất này tiếp giáp với thửa đất số 126 hiện đang tranh chấp. Theo kết quả đo đạc có 6,7m² đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 127 nhưng ông chỉ sử dụng diện tích đất đúng thực tế theo bờ thẳng lên hàng cây lát của ông Dương Hữu S, phần đất ngoài bờ hàng cây lát của thửa đất số 127 ông không yêu cầu quản lý sử dụng. Thửa đất số 126 ông không rõ nguồn gốc chỉ biết được đưa vào Hợp tác xã làm đất nghĩa trang của xã. Sau khi Hợp tác xã tan vào khoảng năm 1990 thì xã bỏ quy hoạch là đất nghĩa trang, các hộ gia đình bốc mộ về đất của gia đình còn mộ nhà ông Dương Hữu P vẫn để nguyên. Sau khi Hợp tác xã tan mấy năm thì ông thấy nguyên đơn canh tác, trồng màu trên diện tích đất không có mộ và chỉ canh tác trên phần đất đang trồng sắn. Ông không thấy ông Dương Hữu P canh tác, trồng gì trên đất. Việc xảy ra tranh chấp ông không liên quan, ông không có yêu cầu độc lập và đề nghị giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Trên Sổ mục kê thửa đất số 126 ghi tên hộ ông Dương Đình C; thửa đất số 127 tên hộ ông Dương Hữu Đ. Hai thửa đất trên chưa được cấp GCNQSDĐ cho ai. Thửa đất số 146 là đất trồng cây hàng năm khác đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Dương Hữu L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đình C. Ông Dương Đình C được quyền quản lý và sử dụng 01 phần diện tích đất thuộc thửa đất số 126 với diện tích 601,0m². Ông Dương Đình C có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai (có trích đo thửa đất kèm theo bản án).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 126, diện tích là 1.720,0m² và các công trình trên đất.

Đình chỉ xét xử đối với các diện tích đất nguyên đơn rút yêu cầu đối với một phần diện tích thửa đất 127 diện tích 6,7m² và một phần diện tích thửa đất 146 diện tích 78,6m². Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại đối với diện tích đất đã đình chỉ.

Buộc ông Dương Hữu B chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất 601,0m², tờ bản đồ 48 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về tài sản trên đất: Buộc ông Dương Hữu B đại diện chi họ D phải tháo dỡ bức tường xây gạch ba banh có chiều dài 21,0m, diện tích 8,4m² trên diện tích đất 601,0m², tờ bản đồ 48 tại xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong hạn luật định, Bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị như sau:

1. Ông Dương Hữu B là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn do có vi phạm về tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố. Nguyên đơn đề nghị giải quyết kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị giải quyết kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa xác định bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, về nội dung và nhiều vi phạm khác đã chỉ ra mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Vì vậy, đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Lạng Sơn, trước đây là Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị thấy rằng:

[3] Nguyên đơn khởi kiện ông Dương Hữu P nên ông Dương Hữu P là bị đơn trong vụ án. Cấp sơ thẩm xác định bị đơn ông Dương Hữu P là người đại diện chi họ D là xác định không đúng, không chính xác tư cách người tham gia tố tụng của ông Dương Hữu P: Không đúng theo hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05-3-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ (viết tắt là Nghị quyết số 01).

[4] Tại Điều 2, khoản 3 Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 01 có quy định: Thành viên dòng họ là cá nhân trong dòng họ được xác định theo tập quán phổ biến, được thừa nhận nơi dòng họ tồn tại. Các bên tranh chấp có trách nhiệm cung cấp họ, tên, địa chỉ của thành viên dòng họ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ là người tuy không khởi kiện, không bị kiện nhưng việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm thành viên khác của dòng họ và người không phải là thành viên dòng họ. Thành viên khác của dòng họ được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu được đương sự đề nghị và Tòa án chấp nhận trước khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ được xác định theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Về địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thành viên dòng họ: Trường hợp đương sự cung cấp được địa chỉ của thành viên dòng họ thì Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp đương sự không cung cấp được địa chỉ của thành viên dòng họ thì Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền, nghĩa vụ của thành viên dòng họ chưa tham gia tố tụng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Đối chiếu vào vụ án thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chưa yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cung cấp địa chỉ của thành viên dòng họ (chi họ) để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cũng chưa xác định được vụ án thuộc trường hợp đương sự không cung cấp được địa chỉ của các thành viên dòng họ (chi họ) để Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Ngày 09-01-2024, bị đơn có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu giải quyết cho bị đơn được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 126 có tổng diện tích 1.720,0m² và các công trình trên thửa đất (bút lục số 53). Cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn tại Thông báo thụ lý số 31A/TB-TLVA ngày 10-02-2024. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (bút lục số 61) và Biên bản định giá tài sản ngày 06-3-2024 (bút lục số 68) thể hiện diện tích 1.720,0m² thuộc thửa đất số 126 có trị giá là 68.800.000đồng. Tuy nhiên, theo kết quả Trích đo khu đất tranh chấp ngày 06-3-2024 thể hiện đất tranh chấp do bị đơn xác định lại có diện tích là 1.870,0m² bao gồm: Diện tích tại thửa đất số 126 là 1.444m², diện tích ngoài thửa đất số 126 là 426,0m² (gồm diện tích 6,7m² thuộc thửa đất số 127, diện tích 78,6m² thuộc thửa đất số 146 và diện tích 340,7m² không thể hiện số thửa đất).

[7] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 601,0m² thuộc thửa đất số 126 mà không xem xét, làm rõ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với phần diện tích đất 1.870,0m² (trong đó có 601,0m² đất nguyên đơn đang có tranh chấp) và tài sản trên đất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng không thu thập tài liệu, chứng cứ; không nhận định về các yêu cầu phản tố của bị đơn là giải quyết hết yêu cầu của đương sự, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, vi phạm quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Bản án sơ thẩm không nhận định về yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng tại mục 2 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu được quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 126 diện tích 1.720,0m² và các công trình trên đất; và cũng không nêu rõ diện tích 1.720,0m² bao gồm các phần diện tích nào theo kết quả trích đo. Diện tích đất tranh chấp Bản án sơ thẩm tuyên 1.720,0m² mâu thuẫn với kết quả trích đo đất tranh chấp 1.870,0m² do bị đơn xác định nhưng chưa được làm rõ. Như vậy là mâu thuẫn, không đảm bảo, khó khăn cho công tác thi hành án.

[8] Ngoài ra, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất bị đơn có yêu cầu phản tố tại thửa đất số 126 có diện tích 1.720,0m², trên phần diện tích đất trên ngoài 07 ngôi mộ của chi họ D, còn có 06 ngôi mộ của hộ ông Dương Công Đ và 02 ngôi mộ của hộ ông Dương Hữu V. Tuy nhiên, do không xem xét giải quyết các yêu cầu phản tố của bị đơn nên khi giải quyết vụ

án cấp sơ thẩm không xem xét, không làm rõ, không đưa hộ ông Dương Công Đ, ông Dương Hữu V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Mặt khác, tại Điều 3 của Nghị quyết số 01 có quy định về quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ: Thành viên dòng họ có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Dòng họ không phải là nguyên đơn. Tập thể (ví dụ: chi họ, nhánh họ, hội đồng gia tộc...) không có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dòng họ.

[10] Ông Dương Hữu P chết trong quá trình tố tụng thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng phải là bố mẹ, vợ, con ông Dương Hữu P. Cấp sơ thẩm xác định ông Dương Hữu P có 06 người con là bà Dương Thị H, ông Dương Hữu B, bà Dương Thị L, bà Dương Thị Đ, ông Dương Hữu C, ông Dương Hữu Đ1 (đã chết) nhưng mới chỉ xác định ông Dương Hữu B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là không đầy đủ, không chính xác. Điều này cũng ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ tố tụng của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng còn lại của bị đơn.

[11] Đất tranh chấp nguyên đơn xác định yêu cầu giải quyết có bức tường xây gạch ba banh; đất tranh chấp bị đơn có yêu cầu phản tố không chỉ có bức tường xây gạch ba banh mà còn cả bức tường khác và các ngôi mộ của các chi họ khác. Trong diện tích đất bị đơn tranh chấp cơ bản chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ để xác định đất tranh chấp mà nguyên đơn xác định có thuộc phạm vi quy hoạch không (bút lục số 94-95); tuy nhiên chưa thu thập tài liệu xác định tổ chức, cá nhân có được quyền quản lý, sử dụng đất không; chưa thu thập tài liệu xác định tài sản trên đất có được phép tồn tại hay không là chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập tài liệu đối với các nội dung này đối với phần diện tích đất, tài sản trên đất theo yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa đầy đủ theo luật định.

[12] Bản án sơ thẩm buộc ông Dương Hữu B đại diện chi họ D phải tháo dỡ bức tường xây gạch ba banh có chiều dài 21,0m, diện tích 8,4m² trên diện tích đất 601,0m² nhưng không có vị trí đỉnh điểm của diện tích 8,4m². Đồng thời, Mảnh trích đo khu đất tranh chấp cũng không thể hiện bức tường có diện tích 8,4m² này ở vị trí nào, còn điểm A3 đến A10 theo Trích đo có chiều dài là 18,66m, không phải chiều dài 21,0m như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Như vậy là mâu thuẫn và khó khăn cho công tác thi hành án.

[13] Trong vụ án này có thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng trong phần nội dung Bản án sơ thẩm không xác định đầy đủ, đúng tư cách của bị đơn là bị đơn có yêu cầu phản tố là chưa đảm bảo. Yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nhưng cấp sơ thẩm không nhận định, không quyết định về trách

nhệm chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định về trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[14] Từ những nhận định trên nhận thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện và triệt để; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, xét thấy cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn trước đây là Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung

[15] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ý kiến của người kháng cáo và những người tham gia tố tụng khác sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các vấn đề vi phạm trên yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[16] Do Bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn trước đây là Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đương sự đã nộp và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Hữu B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Dương Hữu B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000056 ngày 21-7-2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 3 - Lạng Sơn;
- VKSNDKV 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa